

Số: 19 /2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 416/TTr-SKH&ĐT ngày 03/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: Hr

- Như Điều 3;
- Bộ KH&ĐT; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VPUB: Các PVP, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, VHXXH (Ngọc). 30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *hr*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức
Trần Thanh Đức

QUY ĐỊNH

Về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Lĩnh vực xã hội hóa được khuyến khích bao gồm: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng điều chỉnh

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

đ) Các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này.

(Các đối tượng quy định tại các Điều a, b và c Khoản này, sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

1. Các tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đang có các dự án độc lập và đang hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thuộc danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các dự án xã hội hóa thuộc các lĩnh vực trên phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tiền Giang.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA

Điều 3. Chính sách cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh và của Nhà nước.

Căn cứ khả năng ngân sách, nhu cầu khuyến khích xã hội hóa và quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có; Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa hoặc sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn.

2. Trường hợp ngân sách nhà nước không bố trí hoặc bố trí không đủ để đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng công trình xã hội hóa cho thuê thì Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để có nguồn vốn thực hiện việc đầu tư xây dựng.

Số tiền thuê ứng trước được quy đổi ra số năm, số tháng đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

3. Giá cho thuê cơ sở hạ tầng và một phần hoặc toàn bộ công trình xã hội hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa và theo nguyên tắc: Giá thuê được xác định phù hợp với mức giá thuê phổ biến trên thị trường có tính đến yếu tố khuyến khích của địa phương tại thời điểm ký hợp đồng thuê nhưng phải bảo đảm việc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản thuê.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đã trả hoặc ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa có các quyền sau đây:

a) Được tiếp tục đầu tư hoàn thiện dự án xã hội hóa để thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật trong trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê cơ sở hạ tầng và một phần công trình xã hội hóa;

b) Được hạch toán phần tiền thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa (đã trả hoặc đã ứng trước) vào chi phí dự án theo quy định;

c) Được tính phần giá trị đầu tư thêm (nếu có) vào vốn đầu tư của dự án và được dùng phần tài sản đầu tư thêm này làm tài sản thế chấp để vay vốn.

5. Trường hợp có nhu cầu góp vốn, liên doanh, liên kết để thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với nhà đầu tư việc sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa hoặc giá trị tài sản đã đầu tư trên đất để góp vốn, liên doanh, liên kết với cơ sở thực hiện xã hội hóa này theo quy định của pháp luật.

6. Hết thời hạn thuê, góp vốn hoặc việc thuê, góp vốn theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều này chấm dứt trước hạn theo quy định của pháp luật, cơ sở thực hiện xã hội hóa chuyển giao cho Nhà nước toàn bộ cơ sở hạ tầng và công trình kiến trúc trên đất.

7. Trình tự, thủ tục về cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa, góp vốn bằng tiền thuê để thực hiện dự án xã hội hóa được thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2014/NĐ-CP và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng trường học, bệnh viện, khu vui chơi, khu thể thao, bảo tàng, thư viện, nhà văn hóa, rạp hát, rạp chiếu phim hoặc các công trình xã hội hóa khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Chính sách ưu đãi về tín dụng

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 Quy định này được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước được quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các dự án xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 Quy định này được Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh xem xét cho vay với lãi suất ưu đãi theo quy định.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng sau khi dự án đi vào hoạt động 01 năm. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề

- Dự án đầu tư xây dựng mới trường mầm non được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới trường trung cấp chuyên nghiệp, trường trung cấp nghề, trường nghiệp vụ được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 15% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới trường đại học, học viện, cao đẳng được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 10% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới các cơ sở cung cấp dịch vụ nhà ở cho học sinh, sinh viên được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới các cơ sở giáo dục đào tạo khác được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 10% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án.

b) Lĩnh vực y tế

- Dự án đầu tư xây dựng mới bệnh viện có quy mô từ 100 giường bệnh trở xuống được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 15% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới bệnh viện có quy mô trên 100 giường bệnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 10% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở thực hiện y tế dự phòng, trung tâm lão khoa được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ

sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới khác trong lĩnh vực y tế được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

c) Lĩnh vực văn hóa, thể thao:

- Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống, cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao), huấn luyện thể thao cho người tàn tật được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng mới khác trong lĩnh vực văn hóa, thể thao được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

d) Lĩnh vực môi trường: Dự án đầu tư xây dựng mới trong lĩnh vực môi trường được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 30% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/dự án.

đ) Lĩnh vực giám định tư pháp: Dự án đầu tư xây dựng mới văn phòng giám định tư pháp được ngân sách tỉnh hỗ trợ 01 lần kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng theo mức 20% giá trị quyết toán hoàn thành công trình được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 1 tỷ đồng/dự án.

2. Ngoài các ưu đãi được quy định tại Khoản 1 Điều này, các dự án đầu tư xây dựng mới trên địa bàn các huyện Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông và Gò Công Tây được hỗ trợ thêm 10% so với mức hỗ trợ của loại hình đó.

3. Việc hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng nêu trên áp dụng cho dự án xã hội hóa được thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, đảm bảo đủ cơ sở để cơ quan tài chính thẩm tra quyết toán. Kinh phí hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng được bố trí từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 6. Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn xã thuộc các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo và địa bàn các huyện Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông và Gò Công Tây; dự án xã hội hóa thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích xã hội hóa được quy định tại Mục 1, Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị thì được Nhà nước cho thuê đất và miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định cụ thể như sau:

a) Miễn tiền thuê đất 25 năm kể từ ngày đưa dự án vào hoạt động đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại địa bàn các xã thuộc thị xã Cai Lậy và thị xã Gò Công, địa bàn các thị trấn thuộc các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo.

b) Miễn tiền thuê đất 20 năm kể từ ngày đưa dự án vào hoạt động đối với các dự án xã hội hóa thực hiện tại các xã thuộc thành phố Mỹ Tho, các phường thuộc thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công.

c) Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày đưa dự án vào hoạt động đối với các dự án xã hội hóa tại các phường thuộc thành phố Mỹ Tho.

d) Ngoài các ưu đãi được quy định tại Khoản 2 Điều này, các dự án xã hội hóa thuộc Danh mục lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được quy định tại Mục 2, Phụ lục ban kèm theo Quy định này được giảm thêm 10% tiền thuê đất phải nộp trong các năm tiếp theo không phân biệt địa bàn đầu tư.

đ) Trường hợp dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thuê đất thì không được hưởng ưu đãi về đất theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Trường hợp dự án xã hội hóa nằm trên địa bàn liên huyện (thành phố, thị xã, huyện) thì việc miễn, giảm tiền thuê đất được tính theo địa bàn hưởng chính sách ưu đãi nhiều hơn.

Định kỳ ba (03) năm một lần, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát để sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa cho phù hợp sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo bồi dưỡng người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có kế hoạch và chủ động thực hiện các hình thức đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ theo quy định của ngành, nghề hoạt động.

2. Chi phí đào tạo khi cử người lao động đi học tập ở trong và ngoài nước được tính vào chi phí hợp lệ của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo bồi dưỡng người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong trường hợp cần thiết theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Chính sách khen thưởng

1. Tập thể và người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa có thành tích xuất sắc được Nhà nước biểu dương, khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua theo quy định Nhà nước hiện hành.

2. Các tập thể, cá nhân tham gia ủng hộ, tài trợ, đóng góp tiền của, vật tư, công sức... để tổ chức, phục vụ cho các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp được Nhà nước ghi nhận và khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí: Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng từ nguồn kinh phí khen thưởng của Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

1. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển xã hội hóa cụ thể của từng ngành, lĩnh vực trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong quý II/2015 làm cơ sở để cập nhật vào quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý như hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện các chính sách xã hội hóa.

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

d) Xác định nhu cầu và kinh phí đào tạo bồi dưỡng người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo Điều 7 Quy định này gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng người lao động trong các cơ sở thực hiện xã hội hóa từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

đ) Thực hiện quản lý nhà nước và thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

e) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Bộ chuyên ngành trước ngày 30 tháng 11, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc thẩm quyền; hướng dẫn thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh liên quan tới việc đầu tư và ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực xã hội hóa theo thẩm quyền.

b) Hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu khi có từ hai nhà đầu tư cùng đăng ký một địa điểm để thực hiện dự án xã hội hoá, theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các dự án xã hội hóa đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, danh mục dự án đã lựa chọn chủ đầu tư, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án; đề xuất xử lý và theo dõi việc xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực đầu tư.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển để xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách hàng năm từ nguồn vốn đầu tư phát triển để hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan thẩm tra quyết toán cho các dự án xã hội hóa theo đúng quy định hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm (phần vốn sự nghiệp) dành cho hoạt động xã hội hóa trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xác định giá cho thuê cơ sở hạ tầng và một phần hoặc toàn bộ công trình xã hội hóa sau khi thỏa thuận với cơ sở xã hội hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với đơn vị được giao quản lý cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa (thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý) trong việc xác định giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để đàm phán giá với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển các lĩnh vực xã hội hoá, tổng hợp kinh phí xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn thực hiện.

c) Hướng dẫn, quy trình, thủ tục hành chính trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động xây dựng tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng cơ sở xã hội hóa.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu sử dụng đất; hướng dẫn thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất; thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa; cung cấp các thông tin về kế hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án xã hội hóa cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã để xác định địa điểm, vị trí, diện tích đất, thời hạn thuê đất để làm căn cứ để cơ quan thuế xác định đơn giá thuê và số tiền thuê đất mà cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp.

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa.

đ) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh và công bố quy trình, thủ tục giải quyết giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

6. Sở Tư pháp:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp.

b) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung của Luật Giám định tư pháp, nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân về xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp, về vị trí, vai trò của công tác giám định tư pháp, tạo sự quan tâm mạnh mẽ của xã hội đối với hoạt động giám định tư pháp, có sự đầu tư tương xứng cho hoạt động giám định tư pháp.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn quản lý lĩnh vực giám định tư pháp thẩm định hồ sơ xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thực hiện việc đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

d) Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về giám định tư pháp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền tăng cường đầu tư cho hoạt động giám định tư pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, có chế độ, chính sách thu hút cán bộ vào công tác trong lĩnh vực này.

7. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký thuế, kê khai thuế, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định và thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất theo thẩm quyền đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở chuyên ngành về xã hội hóa có liên quan tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp phát hiện, cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật.

c) Xác định đơn giá thuê đất, số tiền thuê đất và thông báo cho cơ sở thực hiện xã hội hóa nộp tiền theo quy định hiện hành.

8. Trung tâm Phát triển quỹ đất và Đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở chuyên ngành trong lĩnh vực xã hội hóa và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

9. Quỹ Phát triển đất tỉnh:

Thực hiện việc ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất cho hoạt động xã hội hóa theo quy định.

10. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Tiền Giang

Chỉ đạo Ngân hàng phát triển hướng dẫn quy trình, thủ tục thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng được quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

11. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang

Chủ trì hướng dẫn quy trình, thủ tục triển khai thực hiện Khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

12. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện các dự án xã hội hóa trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu tái định cư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả hoạt động của các dự án xã hội hóa nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và tái định cư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý quy phạm theo quy định của pháp luật.

c) Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu phát triển các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý.

đ) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

13. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch

a) Chủ trì tổ chức công bố Danh mục dự án kêu gọi xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức mời gọi đầu tư theo đúng quy định; định kỳ hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình xúc tiến các dự án thuộc Danh mục, kiến nghị bổ sung hoặc điều chỉnh Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

14. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình, đề nghị Báo Ấp Bắc, các đoàn thể tỉnh xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về chủ trương, chính sách xã hội hóa của tỉnh để các tầng lớp nhân dân quán triệt và tích cực tham gia.

15. Đơn vị được giao quản lý cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa (thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý)

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, các ngành có liên quan xác định giá thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để đàm phán giá cho thuê với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Thực hiện hướng dẫn, trình tự, thủ tục về tiếp nhận hồ sơ đề nghị thuê nhà, cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa từ các cơ sở thực hiện xã hội hóa; đàm phán với cơ sở thực hiện xã hội hóa về các nội dung chính của Hợp đồng thuê, gồm: giá cho thuê, thời hạn thuê, số tiền thuê ứng trước (nếu có) và các nội dung khác có liên quan quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 59/2014/NĐ-CP, hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 156/2014/TT-BTC và các quy định của pháp luật khác có liên quan; báo cáo Sở, ngành chủ quản để xin ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp trước khi Sở, ngành chủ quản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Căn cứ quy hoạch của các ngành, nhu cầu phát triển từng lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trên từng địa bàn để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho từng giai đoạn của địa phương mình. Trên cơ sở đó, chủ động tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp xác định cụ thể nhu cầu phát triển các dự án xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân biết tham gia các lĩnh vực xã hội hoá và tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Mục XII, Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

2. Tổ chức triển khai dự án bảo đảm đúng yêu cầu về tiến độ và theo đúng nội dung đã đăng ký, chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước trong quá trình triển khai dự án và khi đưa dự án vào hoạt động. Nếu triển khai chậm tiến độ hoặc không đầy đủ theo nội dung đăng ký thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, xử lý thu hồi dự án, chấm dứt thực hiện các chính sách ưu đãi hoặc thu hồi các khoản kinh phí đã hỗ trợ theo Quy định này (tùy theo mức độ vi phạm).

3. Sau khi dự án xã hội hóa hoàn thành đưa vào hoạt động 30 ngày, cơ sở thực hiện xã hội hóa phải gửi văn bản đến cơ quan thuế để thông báo dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan để cơ quan thuế xem xét ra quyết định miễn, giảm tiền thuê đất chính thức.

4. Định kỳ hàng quý, hàng năm lập báo cáo hoạt động dự án xã hội hóa gửi về các Sở quản lý chuyên ngành; đồng thời gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư – Thương mại và Du lịch và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nơi có dự án.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa đã thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không điều chỉnh theo Quy định này.

2. Các dự án xã hội hóa thuộc lĩnh vực xã hội hóa đủ điều kiện về các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì được hưởng các ưu đãi theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Các vấn đề khác liên quan đến dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./ Kr.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức

Phụ lục

DANH MỤC LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

(Ban hành kèm theo Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giao thông vận tải và thông tin truyền thông)



Mục 1

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên.

II. LĨNH VỰC Y TẾ

1. Đầu tư thành lập cơ sở cơ sở bảo trợ xã hội.
2. Đầu tư thành lập cơ sở thực hiện y tế dự phòng.
3. Đầu tư thành lập trung tâm lão khoa.

III. LĨNH VỰC VĂN HÓA

Đầu tư thành lập cơ sở bảo tồn và hành nghề truyền thống.

IV. LĨNH VỰC THỂ THAO

Đầu tư xây dựng: cơ sở đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao (năng khiếu và thành tích cao), huấn luyện thể thao cho người tàn tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế.

V. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Đầu tư thành lập cơ sở thu gom, vận chuyển rác thải.
2. Đầu tư thành lập cơ sở xử lý rác thải.
3. Đầu tư thành lập cơ sở thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại (kể cả chất thải y tế)
4. Đầu tư thành lập cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại (kể cả chất thải y tế).
5. Đầu tư thành lập cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
6. Đầu tư thành lập cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán.
7. Đầu tư thành lập cơ sở xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các đô thị.
8. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo từ sức gió, ánh sáng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt, năng lượng sinh học, sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu hủy chất thải ô nhiễm môi trường.
9. Đầu tư thành lập cơ sở hỏa táng, điện táng.
10. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường.

11. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng để xử lý (tái chế, tiêu hủy) các loại chất thải.

12. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất trang thiết bị chuyên dùng cho quan trắc môi trường.

13. Đầu tư thành lập cơ sở khắc phục sự cố môi trường.

Mục 2

DANH MỤC LĨNH VỰC KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đầu tư xây dựng các trường học mầm non, cao đẳng, đại học; trường mầm non ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các cơ sở giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.

II. LĨNH VỰC Y TẾ

1. Đầu tư thành lập bệnh viện tư nhân.

2. Đầu tư thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Đầu tư thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và sinh phẩm y tế; đánh giá sinh khả dụng và tương đương sinh học.

III. LĨNH VỰC VĂN HÓA

1. Đầu tư thành lập: bảo tàng ngoài công lập; bảo tàng mỹ thuật ngoài công lập; bảo tàng nhiếp ảnh ngoài công lập; cơ sở trình diễn/ diễn xướng dân gian.

2. Đầu tư thành lập: trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp huyện, cấp xã, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở nông thôn; khu văn hóa đa năng ngoài công lập.

IV. LĨNH VỰC THỂ THAO

1. Đầu tư thành lập: nhà tập luyện thể thao; câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

2. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất dụng cụ thể dục thể thao.

3. Đầu tư thành lập cơ sở lưu trú, ký túc xá của vận động viên thể thao.

V. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Đầu tư thành lập cơ sở cung cấp nước sạch.

2. Đầu tư thành lập cơ sở quan trắc và phân tích môi trường.

3. Đầu tư xây dựng nhà tang lễ.

VI. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Thành lập văn phòng giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng./.